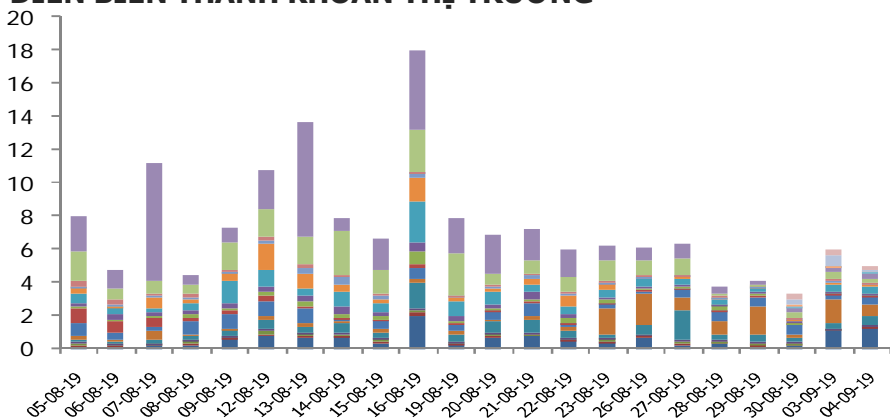


# COVERED WARRANTS – ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẦM!

## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

<b>Số lượng mã CW</b>	<b>20</b>
<b>Số lượng mã cổ phiếu cơ sở</b>	<b>9</b>
<b>Phân bù rủi ro bình quân</b>	<b>17,38</b>
<b>Tỷ lệ đòn bẩy bình quân</b>	<b>6,83x</b>
<b>Ngày giao dịch cuối cùng trung bình</b>	<b>12-11-2019</b>

## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



## 5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CMBB1901	■	■	■	■	■	5
CFPT1902	■	■	■	■	■	4,8
CMBB1902	■	■	■	■	■	4,6
CMWG1903	■	■	■	■	■	4,2
CFPT1903	■	■	■	■	■	4

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

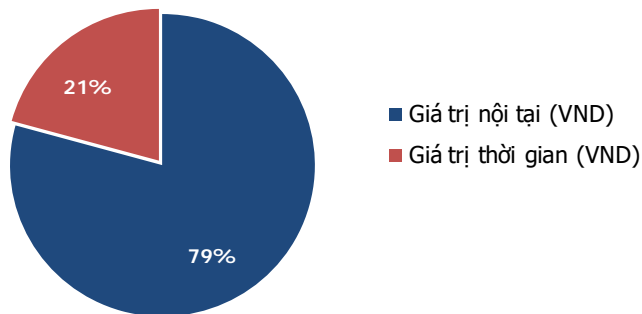
- Thị trường chứng quyền đã tích cực hơn khi có nhiều mã tăng so với phiên hôm qua nhờ các cổ phiếu như MWG, MBB, PNJ,...rất tiếc khi FPT và HPG lại để hụt hơi ở những phút cuối. Thanh khoản giảm khi hoạt động cắt lỗ đã đi đến những ngày cuối giao dịch, trong khi một số mã CW có khả năng được nhà đầu tư nắm giữ để thực hiện quyền. Khối ngoại chủ yếu bán ròng một số mã CW do KIS phát hành. Có tới 75% các mã CW giảm điểm ở kỳ hạn ngắn trong khi ở các mã tăng lại tập trung ở kỳ hạn trung bình.
- Dùng lúc đóng cửa, đã có hơn 1,79 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 4,95 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW giảm 17,3% và giá trị giao dịch cũng giảm 17,7%. Thanh khoản thị trường cao hơn so với bình quân 5 phiên trước đó 9,5% về khối lượng và 5,1% về giá trị. Một phiên giảm trên diện rộng, chỉ có 6 mã tăng 13 mã giảm và 1 mã giữ tham chiếu. Thanh khoản thị trường ở nhóm các mã CW có thời gian đáo hạn còn lại dưới 40 ngày chiếm 65% toàn thị trường. Trong khi đó nhóm CW có thời gian đáo hạn còn dài (trên 110 ngày) lại giảm về mức 5%, nhóm CW trung hạn (từ 70 -110 ngày) cũng giảm về 30% từ mức 50% ở ngày hôm qua.
- Thị trường đang có chuỗi lợi nhuận âm đã sang phiên thứ 10 liên tiếp, mức lỗ bình quân 7,5% và chỉ còn cách chuỗi lợi nhuận âm liên tiếp trước đó đúng 1 phiên nữa. Tuy vậy, trong 3 phiên vừa qua vẫn còn một số mã CW đi ngược thị trường như: CFPT1903, CMWG1904, CMWG1901, CMWG1902,...
- Tóm lại, sau chuỗi giảm liên tiếp kéo dài tới 10 phiên thì thị trường đang có cơ hội phục hồi trở lại nhờ sự bật tăng trở lại của các mã cơ sở như MWG, FPT, MBB, PNJ,....Trong tuần này sẽ có 3 mã đến ngày giao dịch cuối cùng gồm: CHPG1901, CPNJ1901 và CMWG1901, nhà đầu tư mua trong phiên hôm nay hoặc 2 phiên còn lại nhiều khả năng sẽ thực hiện quyền. Trong 3 mã trên thì 2 mã CPNJ1901 và CMWG1901 đã vượt điểm hòa vốn trong phiên hôm nay, CMWG1901 có nhiều khả năng nhà đầu tư sẽ thực hiện quyền nhiều nhất khi cổ phiếu MWG vẫn tiếp tục tăng. Nhà đầu tư cũng nên lưu ý, giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

<b>KHUYẾN NGHỊ - NĂM GIỮ</b>	<b>CMWG1903</b>
<b>Cổ phiếu cơ sở</b>	<b>MWG</b>
<b>Giá thực hiện</b>	95000 đồng (ITM 19,42%)
<b>Tỷ lệ thực hiện</b>	5:1
<b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>	24-12-2019
<b>Số ngày còn lại</b>	113 ngày

**CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CMWG1903**

Tiêu chí	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	3,21 lần
Độ nhạy	1,26
Hao mòn thời gian	0%
Độ biến động nội hàm	61,68%
Phần bù rủi ro	5,09%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	<b>Tốt</b>
<b>Phù hợp</b>	
Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)	
Nhà đầu tư trung dài hạn (>5 ngày)	

**CẤU THÀNH GIÁ TRỊ**



**KHUYẾN NGHỊ CHỨNG QUYỀN**

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với CW CMWG1903, dựa trên các luận điểm sau:

- CW đang ở trạng thái ITM +19,42%. Đòn bẩy hiệu quả hiện đạt 3,21 lần. Chứng quyền CMWG1903 còn thời gian đáo hạn dài (113 ngày) với phần bù rủi ro tương đối thấp 5,09% và độ biến động nội hàm ở mức 61,68% - thấp thứ 5 trong 20 CW.
- Về kỹ thuật, cổ phiếu MWG duy trì trend tăng trong trung hạn, trong khi một số chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu mua củng cố đà tăng giá của cổ phiếu.
- Về cơ bản, theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (FCFF), chúng tôi định giá cổ phiếu MWG với giá mục tiêu 1 năm là 148.200 đồng (tăng 25,59% so với giá ngày 04/09).

**ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN**

**Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền**  
So sánh giá MWG và CMWG1903



## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

MWG	2016	2017	2018	7T2019
Doanh thu (tỷ vnd)	44.613	66.340	86.516	60.929
Lãi ròng (tỷ vnd)	1.577	2.206	2.879	2.411
EPS (vnd)	10.246	6.958	6.491	
ROA( )	14,3%	11,7%	11,3%	
ROE( )	49,9%	45,2%	38,7%	
P/E (lần) (TTM EPS)	9,24	13,61	14,59	14,85
P/B (lần) (TTM BVPS)	3,80	5,08	4,68	4,99

## CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động			Chỉ báo kỹ thuật	Hành động
<b>Kỳ</b>	<b>SMA</b>	<b>EMA</b>	<b>RSI(14)</b>	<b>Buy</b>
MA5	116,240	116,952	STOCH(9,6)	Buy
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	Fear Greed	Sell
MA10	116,590	116,677	MACD(12,26)	Sell
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	ADX(14)	Buy
MA20	116,885	115,223	Williams %R	Buy
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	CCI(14)	Buy
MA50	107,630	108,466	MAOs	Sell
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	Momentum	Buy
MA100	96,892	101,329	Bollinger band	Overbought
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	ROC	Buy
MA200	91,307	95,056	Psar	Sell
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>		

Buy: 12; Sell: 0;

Buy: 07; Sell: 04;

Summary: **BUY**

Summary: **BUY**

## NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - MWG

- Động lực tăng trưởng chính đến từ chuỗi Điện Máy Xanh nhờ (i) thị trường điện máy khả quan do thu nhập dân cư cải thiện và tỷ lệ đô thị hóa ngày càng cao, (ii) chủ động thay đổi cách sắp xếp, bài trí nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trong chuỗi
- Chuỗi BHX sẽ hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối (DC) vào cuối năm 2019, bắt đầu ghi nhận lãi từ 2020. Hiện tại, doanh thu bình quân/cửa hàng/tháng đạt 1,5 tỷ đồng. Việc duy trì chất lượng sản phẩm và hiệu quả trong việc lựa chọn cửa hàng mở mới tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh. Dự kiến đến cuối năm 2019, sẽ có khoảng hơn 700 cửa hàng trong chuỗi. Biên LN gộp cải thiện tốt, đạt ~19%.
- Mạng kinh doanh đồng hồ bước đầu ghi nhận kết quả tốt với doanh thu bình quân 800 triệu đồng/cửa hàng/tháng. Công ty dự kiến tiếp tục nhân rộng số cửa hàng kinh doanh đồng hồ cũng như thêm kinh thời trang trong tương lai.
- 7T2019, MWG ghi nhận 60.929 tỷ đồng DTT và 2.411 tỷ đồng LNST, tăng 18% và 37% so với cùng kỳ. Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (FCFF), chúng tôi định giá cổ phiếu MWG với giá mục tiêu 1 năm là 148.200 đồng (tăng 25,59% so với giá ngày 04/09).

## ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - MWG

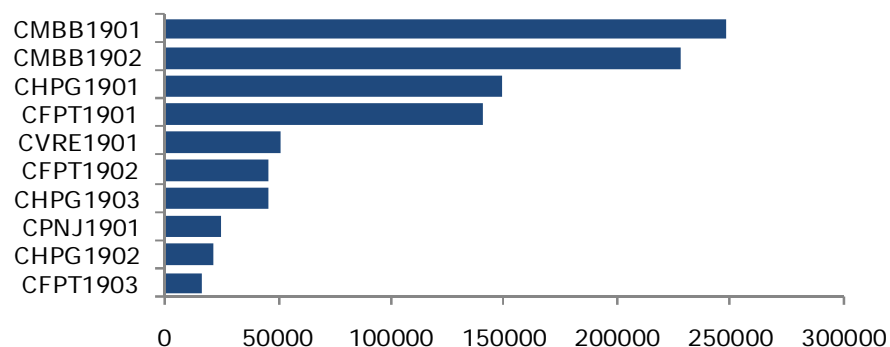
Đồ thị kỹ thuật cổ phiếu MWG  
Duy trì trend tăng trung hạn



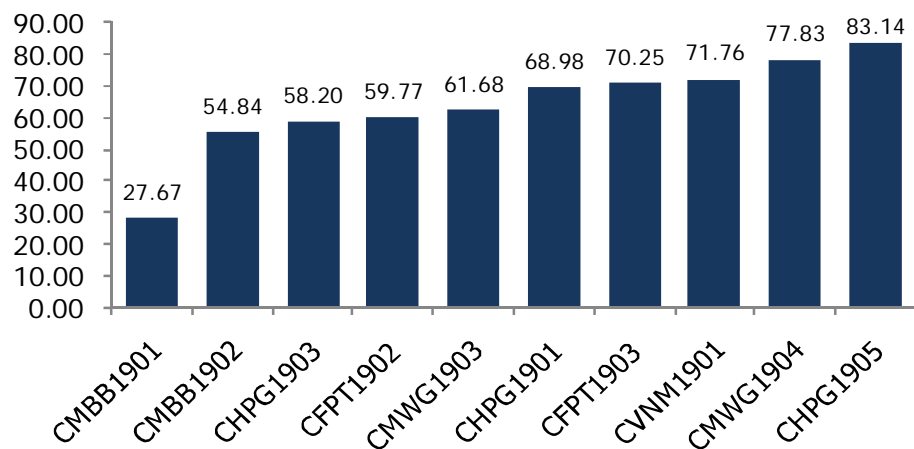
### 5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CMWG1901	2,55	16,56	10,86	178,85
CMWG1904	1,00	5,37	5,69	81,96
CFPT1901	-4,66	4,65	-5,86	66,67
CHPG1902	10,87	4,08	0,00	-37,04
CFPT1902	1,14	2,79	0,45	76,80

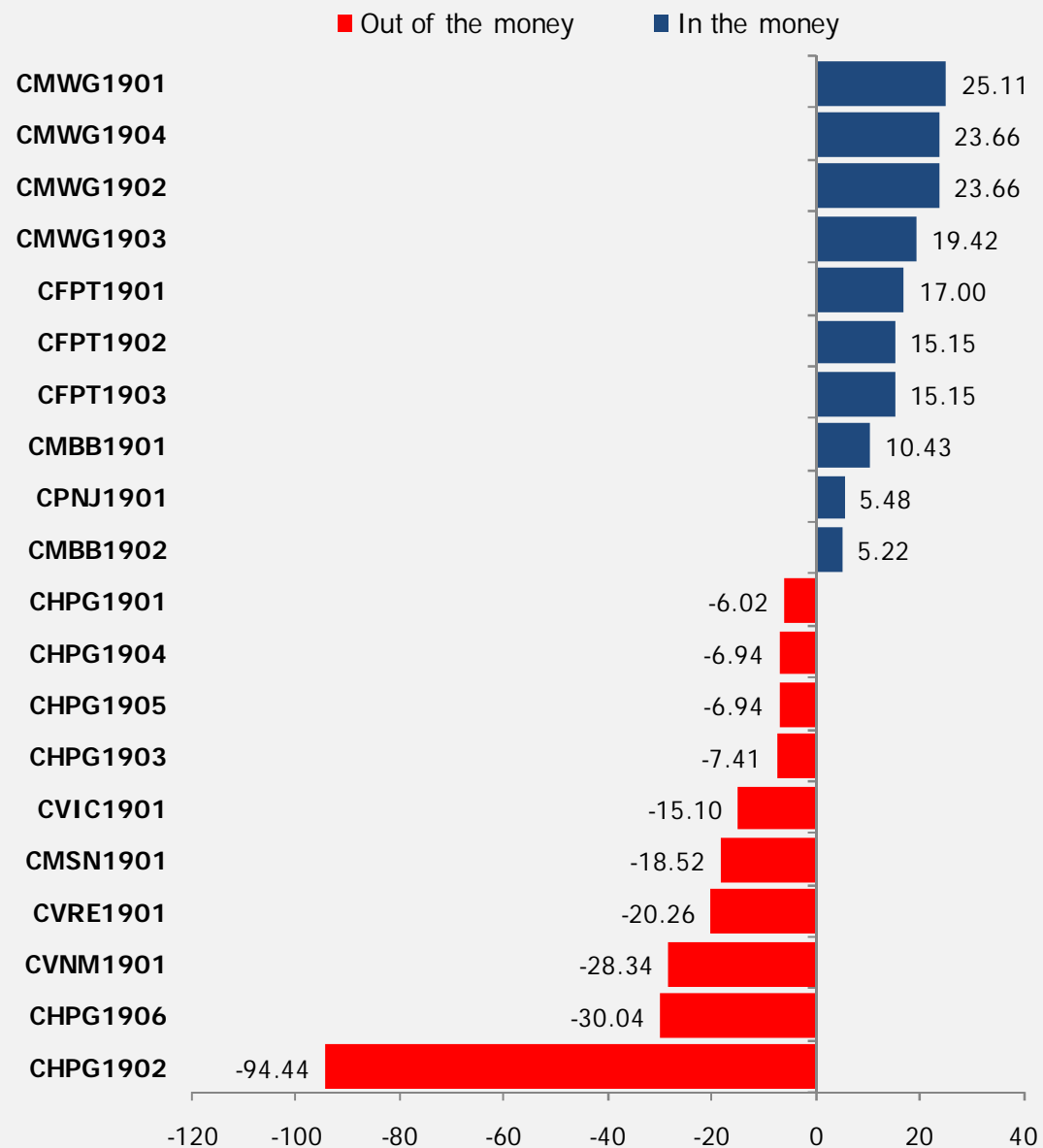
### 10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



### 10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



### TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1901	VND	FPT	1,96	44.150	9-9-19	53.200	-0,93	4.500	-4,66	4.610	17,00	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#N/A N/A	-0,40	275.390	1,30
2	CFPT1902	SSI	FPT	0,98	45.140	26-9-19	53.200	-0,93	8.840	1,14	8.215	15,15	5,31	8,21	86,64	0,00	59,77	1,15	45.530	0,40
3	CFPT1903	SSI	FPT	0,98	45.140	26-12-19	53.200	-0,93	12.660	-3,51	8.410	15,15	3,13	4,94	72,97	0,00	70,25	8,20	16.640	0,21
4	CHPG1901	MBS	HPG	2,00	22.900	6-9-19	21.600	-0,23	150	-25,00	10	-6,02	19,35	0,04	26,87	-2,72	68,98	7,41	297.840	0,04
5	CHPG1902	KIS	HPG	5,00	41.999	9-12-19	21.600	-0,23	510	10,87	0	-94,44	2,78	0,00	32,86	-8337,24	152,83	106,25	108.860	0,05
6	CHPG1903	VPS	HPG	2,00	23.200	10-9-19	21.600	-0,23	110	-8,33	9	-7,41	21,19	0,05	21,59	-1,87	58,20	8,43	92.620	0,01
7	CHPG1904	SSI	HPG	1,00	23.100	26-9-19	21.600	-0,23	1.300	-12,75	-	-6,94	16,62	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	12,96	14.700	0,02
8	CHPG1905	SSI	HPG	1,00	23.100	26-12-19	21.600	-0,23	3.450	-4,17	822	-6,94	3,36	0,64	53,69	-0,02	83,14	22,92	10.070	0,04
9	CHPG1906	KIS	HPG	2,00	28.088	12-11-19	21.600	-0,23	840	-5,62	11	-30,04	4,39	0,01	34,13	-1,08	95,97	37,81	9.040	0,01
10	CMBB1901	SSI	MBB	1,00	20.600	12-9-19	23.000	0,88	2.440	-0,41	2.403	10,43	8,90	4,65	94,40	0,00	27,67	0,17	247.630	0,56

## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phần bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMBB1902	HSC	MBB	1,00	21.800	13-12-19	23.000	0,88	3.250	1,56	1.582	5,22	4,45	1,53	62,91	-0,01	54,84	8,91	227.510	0,73
12	CMSN1901	KIS	MSN	5,00	88.888	12-11-19	75.000	1,35	1.620	1,89	32	-18,52	3,97	0,02	42,93	-0,56	97,80	29,32	9.060	0,01
13	CMWG1901	BSC	MWG	4,00	88.300	5-9-19	117.900	0,26	7.250	2,55	7.400	25,11	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#N/A N/A	-0,51	66.460	0,47
14	CMWG1902	VND	MWG	4,00	90.000	9-12-19	117.900	0,26	8.800	-0,56	6.982	23,66	2,67	1,58	79,84	0,00	84,46	6,19	810	0,01
15	CMWG1903	HSC	MWG	5,00	95.000	24-12-19	117.900	0,26	5.780	-0,17	4.618	19,42	3,21	1,26	78,61	0,00	61,68	5,09	46.130	0,27
16	CMWG1904	SSI	MWG	1,00	90.000	26-12-19	117.900	0,26	35.300	1,00	27.956	23,66	2,66	6,32	79,76	0,00	77,83	6,28	13.140	0,45
17	CPNJ1901	MBS	PNJ	4,95	77.980	6-9-19	82.500	0,12	900	-19,64	923	5,48	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#N/A N/A	-0,08	123.680	0,12
18	CVIC1901	KIS	VIC	5,00	140.888	12-11-19	122.400	-0,49	2.410	-2,82	39	-15,10	4,37	0,01	43,01	-0,67	86,78	24,95	37.470	0,09
19	CVNM1901	KIS	VNM	10,00	158.888	11-12-19	123.800	-0,16	730	0,00	1	-28,34	5,03	0,00	29,68	-7,54	71,76	34,24	42.790	0,03
20	CVRE1901	KIS	VRE	2,00	40.888	12-11-19	34.000	-0,73	1.360	-4,23	20	-20,26	4,72	0,01	37,74	-0,85	84,05	28,26	102.480	0,14

Nguồn: Bloomberg

## BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
<b>Đòn bẩy hiệu quả</b> (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
<b>Độ nhạy</b> (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
<b>Hao mòn thời gian</b> (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
<b>Độ biến động nội hàm</b> (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
<b>Phần bù rủi ro</b> (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
<b>Giá trị nội tại</b> (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. <b>Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện) * Tỷ lệ thực hiện, 0);</b> <b>Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS) * Tỷ lệ thực hiện, 0).</b>
<b>Giá trị thời gian</b> (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. <b>Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian</b>
<b>Giá lý thuyết theo BS</b>	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

### 1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
<b>Đòn bẩy hiệu quả (E)</b>	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
<b>Độ nhạy (S)</b>	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
<b>Hao mòn thời gian (T)</b>	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
<b>Độ biến động nội hàm (I)</b>	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
<b>Phần bù rủi ro (P)</b>	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

### 2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	40%	40%	20%	0%	0%
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	10%	10%	35%	10%	35%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	20%	20%	20%	20%	20%

### 3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW



## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hung.ngoquoc@mbs.com.vn">hung.ngoquoc@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn">hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:ha.nguyenthihai@mbs.com.vn">ha.nguyenthihai@mbs.com.vn</a>